UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1217/QĐ-UBND.HC	*Đồng Tháp, ngày 29 tháng 11 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch quản lý, khai thác và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 120/2008/NĐ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Quản lý lưu vực sông;

Căn cứ Thông tư số 15/2009/TT-BTNMT ngày 05 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 115/QĐ-UBND.HC ngày 20 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt Đề cương dự án "Quy hoạch quản lý, khai thác và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020";

Xét đề nghị tại Tờ trình số 634/TTr-STNMT ngày 18 tháng 11 năm 2013 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch quản lý, khai thác và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 (ban hành kèm theo Báo cáo tổng hợp Quy hoạch), với nội dung chủ yếu như sau:

1. Quan điểm quy hoạch

- Quy hoạch quản lý, khai thác và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020 và quy hoạch, chiến lược tài nguyên nước của toàn vùng; gắn kết với quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch của các ngành liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

- Quy hoạch quản lý, khai thác và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 hướng đến phát triển bền vững; bảo đảm tính toàn diện giữa nước mặt và nước dưới đất, giữa khai thác, sử dụng tài nguyên nước với bảo vệ tài nguyên nước; bảo đảm khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất tiết kiệm, hiệu quả phù hợp với đặc điểm, khả năng nguồn nước, trữ lượng có thể khai thác của từng vùng, từng khu vực, không vượt quá ngưỡng khai thác đối với các tầng chứa nước để đảm bảo cung cấp nước đáp ứng các mục tiêu kinh tế - xã hội, và bảo vệ nguồn nước ổn định, bền vững lâu dài;

- Khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải gắn liền với công tác bảo vệ nguồn nước; tuân thủ các quy định của pháp luật về tài nguyên nước và pháp luật khác có liên quan.

2. Nguyên tắc phân bổ và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất

Việc phân bổ, bảo vệ tài nguyên nước dưới đất phải đảm bảo tính bền vững, dựa trên cơ sở kết quả đánh giá tương quan giữa nhu cầu khai thác, sử dụng nước và khả năng đáp ứng của nguồn nước dưới đất, cụ thể như sau:

- Ưu tiên bảo đảm đủ nhu cầu sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt cả về số lượng và chất lượng; còn lại cho mục đích sản xuất công nghiệp và chăn nuôi;

- Bảo vệ các tầng chứa nước tầng nông đang có nguy cơ ô nhiễm, nghèo nước nhưng dễ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động phát triển;

- Bảo vệ miền phân bố tầng chứa nước, miền cung cấp; bảo vệ được tài nguyên nước dưới đất khỏi bị cạn kiệt, tránh được sự tác động xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước;

- Ưu tiên có các giải pháp bảo vệ tại các khu vực hiện đang xuất hiện vấn đề ô nhiễm chất lượng nước.

3. Cơ sở phân vùng quy hoạch

Trên quan điểm phát triển bền vững, trên cơ sở những nguyên tắc trình bày ở trên, quy hoạch phân bổ và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất ở tỉnh Đồng Tháp phải dựa trên những điều kiện sau:

- Quy hoạch phát triển kinh tế của tỉnh;

- Điều kiện địa chất thủy văn và đặc điểm tài nguyên nước dưới đất;

- Nhu cầu khai thác sử dụng nước;

- Gắn kết với quy hoạch tài nguyên nước mặt.

Căn cứ vào tiêu chí phân vùng nêu trên, tỉnh Đồng Tháp được phân chia tỉnh Đồng Tháp thành 2 vùng quy hoạch *(phụ lục số 01 kèm theo)*.

4. Mục tiêu quy hoạch

4.1. Mục tiêu chung:

- Phục vụ công tác quản lý tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh, hỗ trợ công tác cấp phép khai thác tài nguyên nước dưới đất, bảo đảm tài nguyên nước được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đa mục tiêu;

- Là cơ sở để phân bổ tài nguyên nước dưới đất cho các ngành, đối tượng sử dụng nước trên địa bàn tỉnh, bảo đảm công bằng, hợp lý, góp phần phát triển bền vững tài nguyên nước.

4.2. Mục tiêu cụ thể:

- Là cơ sở để thực hiện công tác cấp phép khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh;

- Thúc đẩy khai thác tài nguyên nước dưới đất bền vững, cải thiện chất lượng môi trường nước dưới đất;

- Là cơ sở để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc khai thác, sử dụng nước dưới đất ở các vùng giáp ranh giữa các địa phương trong tỉnh và giữa các tỉnh có cùng chung nguồn nước;

- Xác định các giải pháp tổng thể để quản lý việc khai thác, sử dụng, bảo vệ, phân bổ hợp lý tài nguyên nước dưới đất cho các nhu cầu.

5. Nội dung quy hoạch

5.1. Tiềm năng nguồn nước dưới đất trên địa bàn tỉnh

- Trữ lượng khai thác tiềm năng của 4 tầng chứa nước triển vọng: 847,33 triệu m^3/năm (tương đương 2.321.458, 5 m^3/ngày đêm).

- Trữ lượng có thể khai thác công trình của 4 tầng chứa nước triển vọng: 148,37 triệu m^3/năm (tương đương 406.493 m^3/ngày đêm)

(*phụ lục số 02 kèm theo)*

5.2. Quy hoạch phân bổ tài nguyên nước dưới đất

Dựa trên trữ lượng có thể khai thác và nhu cầu khai thác nguồn nước dưới đất cung cấp cho sinh hoạt, công nghiệp và chăn nuôi trên phạm vi toàn tỉnh, quy hoạch phân bổ tài nguyên nước dưới đất cho từng tầng chứa nước triển vọng và cho các ngành đến 2015 và đến 2020 như sau:

- Đến năm 2015, đảm bảo đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng nước dưới đất cho sinh hoạt, công nghiệp, chăn nuôi của toàn tỉnh Đồng Tháp là 100,77 triệu m^3/năm (tương đương 276.082 m^3/ngày đêm)

- Đến năm 2020, đảm bảo đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng nước dưới đất cho sinh hoạt, công nghiệp, chăn nuôi của toàn tỉnh Đồng Tháp là 115,86 triệu m^3/năm (tương đương 317.424,6 m^3/ngày đêm) *(phụ lục số 03 và 04 kèm theo).*

5.3. Các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất

- Tầng chứa nước: các khu vực nghèo nước, các tầng chứa nước có bề dày mỏng hoặc có nguy cơ suy giảm và tầng Pleistocen giữa - trên (qp_{2-3}) với

chiều sâu từ 74,2 đến 132,5 m.

- Vùng hạn chế khai thác: thành phố Cao Lãnh trong tầng chứa nước Miocen trên (n_1^3).

6. Giải pháp thực hiện quy hoạch

6.1. Giải pháp về truyền thông giáo dục

- Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình phổ biến pháp luật về tài nguyên nước trong các cơ quan chuyên môn ở cấp tỉnh, cấp huyện và cán bộ cấp cơ sở, chú trọng đối với cấp huyện, cấp xã, nhất là cán bộ địa chính xã;

- Xây dựng mạng lưới tuyên truyền viên tới cấp xã, chủ yếu lựa chọn trong các tầng lớp thanh thiếu niên, giáo viên, cán bộ y tế sở tại, bồi dưỡng, đào tạo trang bị kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ tuyên truyền và kiến thức cơ bản về tài nguyên nước, bảo vệ tài nguyên nước;

- Đẩy mạnh truyền thông - giáo dục, vận động tuyên truyền tổ chức, cá nhân tích cực hưởng ứng tham gia, đóng góp sức người, kinh phí để cùng với nhà nước thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch;

- Thực hiện truyền thông trên quy mô rộng rãi, thường xuyên. Hình thức truyền thông đa dạng, nội dung đơn giản, dễ hiểu, dễ nhớ. Các hình thức truyền thông gồm phát thanh, truyền hình trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương, phát thanh thường xuyên trên các đài phát thanh ở các xã đã có hệ thống truyền thanh, phát hành các tờ rơi, pa nô, áp phích, tổ chức các buổi nói chuyện, tập huấn tới các làng, xã, trường học, ngoài ra có thể tuyên truyền trên Báo Đồng Tháp, tạp chí, các Website của các ngành, địa phương, tuyên truyền lưu động... kết hợp tuyên truyền vận động trong phong trào sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, thể thao; lồng ghép với chương trình giáo dục sức khoẻ, vệ sinh môi trường của ngành y tế, giáo dục. Phối hợp các chiến dịch, truyền thông của các đoàn thể khác như Hội chữ thập đỏ, Hội phụ nữ và Đoàn thanh niên;

- Xây dựng cơ chế, chính sách cụ thể huy động sự tham gia của các tổ chức, đoàn thể, cộng đồng dân cư ở cấp cơ sở chủ động, tích cực tham gia giám sát các hoạt động khoan giếng, thăm dò, khai thác nước dưới đất, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh;

- Phối hợp, tăng cường tổ chức tuyên tuyền nhận thức của người dân, các tổ chức doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện nghiêm túc Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Tài nguyên nước.

6.2. Các giải pháp về quản lý

**** Tăng cường hoạt động điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất.***

- Tăng cường điều tra, đánh giá, quan trắc, giám sát, dự báo để cung cấp đầy đủ dữ liệu, thông tin về nguồn nước phục vụ công tác quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước, trước hết tập trung vào các nhiệm

vụ, giải pháp sau:

- Đẩy mạnh công tác điều tra, đánh giá tài nguyên nước, ưu tiên thực hiện trước đối với những vùng, những khu vực có nguy cơ ô nhiễm, khu vực có nhu cầu khai thác đang tăng mạnh;

- Định kỳ thực hiện chương trình kiểm kê hiện trạng khai thác nguồn nước kết hợp với rà soát, thống kê lập danh mục các công trình thuộc diện cấp phép, các giếng khoan phải xử lý trám lấp; xây dựng kế hoạch xử lý, trám lấp các giếng hằng năm;

- Từng bước, xây dựng, quản lý, khai thác mạng quan trắc, giám sát diễn biến về số lượng, chất lượng nguồn nước, kết hợp với mạng quan trắc tài nguyên nước của Trung ương trên địa bàn tỉnh, ưu tiên thực hiện trước đối với các khu vực có nguy cơ ô nhiễm, suy giảm nguồn nước cao, các khu vực khai thác nước dưới đất tập trung; thực hiện việc ra thông báo tình hình diễn biến số lượng, chất lượng tài nguyên nước hằng năm;

- Thực hiện việc công bố, điều chỉnh bảo vệ nguồn nước mặt, vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất đối với từng khu vực và từng địa bàn hành chính; đồng thời, căn cứ diễn biến nguồn nước, tình hình thực tế về số lượng, chất lượng các nguồn nước và khai thác, sử dụng nước, định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với yêu cầu thực tế;

- Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, gắn với cơ sở dữ liệu về môi trường, đất đai và các lĩnh vực khác thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường, bảo đảm tích hợp với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước, cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường của Trung ương.

**** Tăng cường quản lý, cấp phép***

- Đẩy mạnh công tác cấp phép khai thác, sử dụng và xả nước thải vào nguồn nước; kiểm tra việc chấp hành các quy định trước và sau khi được cấp giấy phép; việc thực hiện các biện pháp phòng, chống ô nhiễm, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên nước, trước hết tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Thực hiện việc rà soát, kiểm tra thường xuyên, phát hiện các tổ chức, cá nhân khai thác nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước, khoan, thăm dò, khai thác nước dưới đất chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký, trên cơ sở phát huy vai trò của nhân dân, cộng đồng và chính quyền địa phương cấp cơ sở, nhất là cán bộ địa chính xã; định kỳ lập danh sách các tổ chức, cá nhân chưa có giấy phép, thông báo và công bố trên các phương tiện thông tin; giải quyết dứt điểm việc đăng ký, cấp phép đối với các công trình khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước đã có để đưa vào quản lý theo quy định;

- Xây dựng và thực hiện chương trình thanh tra, kiểm tra hằng năm, kết hợp với công tác kiểm tra đột xuất, chú trọng đối với các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước lớn, các công trình có quy mô khai thác, chiều sâu

giếng lớn và đối với các khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao; kiên quyết xử lý vi phạm, nhất là các vi phạm về việc không thực hiện xử lý trám lấp các giếng khoan hư hỏng không sử dụng, các vi phạm về việc thực hiện các biện pháp bảo vệ nguồn nước mặt, nước dưới đất theo quy định;

- Xây dựng và thực hiện chương trình kiểm soát việc thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ xử lý, trám lấp các giếng hư hỏng không sử dụng đối với tất cả các hoạt động theo quy định để hạn chế, phòng ngừa nguy cơ ô nhiễm các tầng chứa nước, chú trọng phát hiện từ cấp cơ sở để kiểm soát ngay từ đầu, nhất là đối với các khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao, khu vực khai thác nước dưới đất tập trung hoặc khu vực tầng chứa nước có trữ lượng lớn, đóng vai trò quan trọng.

- Hàng năm phải tiến hành kiểm tra giám sát thực hiện quy hoạch, sau từng giai đoạn phải có tổng kết đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch để có thể điều chỉnh quy hoạch nếu các nội dung quy hoạch không còn phù hợp nữa.

6.3. Giải pháp tài chính

- Xây dựng đề án huy động các nguồn lực để bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh, trước mắt huy động từ vốn ngân sách nhà nước bao gồm cả Trung ương và địa phương; các giai đoạn tiếp theo huy động nguồn lực của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ và sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp sử dụng nguồn nước trên địa bàn tỉnh, từng bước thực hiện xã hội hoá công tác bảo vệ tài nguyên nước dưới đất.

- Tranh thủ tối đa các nguồn vốn tài trợ của Trung ương, các tổ chức phi Chính phủ, các tổ chức Quốc tế, các doanh nghiệp trong công tác quản lý tài nguyên nước trên toàn tỉnh.

- Công tác huy động nguồn vốn, gồm: Vốn ngân sách nhà nước; dân đóng góp.

- Dự kiến kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đề án, dự án ưu tiên của quy hoạch đến năm 2020 *(phụ lục 05 kèm theo).*

6.4. Các giải pháp kỹ thuật, khoa học - công nghệ

- Bảo đảm có thể khai thác hiệu quả, ổn định, lâu dài nguồn nước dưới đất trên toàn vùng với tổng trữ lượng có thể khai thác 148,37 triệu m^3/năm (tương đương 406.493 m^3/ngày đêm).

- Bảo đảm cân đối, đáp ứng hài hoà nhu cầu khai thác nguồn nước dưới đất cấp nước cho sinh hoạt và các nhu cầu khác trên phạm vi từng địa phương.

- Bảo đảm thực hiện đồng bộ, hiệu quả các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước dưới đất cụ thể đối với từng khu vực để giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm các tầng chứa nước và đáp ứng tiêu chuẩn nguồn nước cấp cho sinh hoạt.

- Thực hiện các quy định, biện pháp bảo vệ nguồn nước dưới đất trong các hoạt động khoan, thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn nước dưới đất, xử lý trám lấp các giếng khoan không sử dụng.

- Quan trắc giám sát nước dưới đất, kiểm soát, giám sát mực nước khai thác tại các tầng chứa nước trong vùng quy hoạch đảm bảo tuân thủ đúng quy định.

- Ứng dụng công nghệ sử dụng nước tiết kiệm để tăng hiệu quả sử dụng nước trong sản xuất nông nghiệp. Khuyến khích tái sử dụng nước trong các hoạt động sản xuất.

- Triển khai kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu để phòng, chống, giảm nhẹ các tác động của hạn hán.

- Thực hiện trám lấp các giếng không sử dụng: hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp có khoảng 1.600 giếng hỏng không sử dụng, để giảm thiểu nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước trong thời gian tới cần phải thực hiện trám lấp các giếng hỏng không sử dụng theo đúng quy trình, quy định đã ban hành tại Quyết định số 14/2007/QĐ-TNMT ngày 04/9/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy định việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.

6.5. Giải pháp về chính sách

- Rà soát và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân tỉnh, trong đó tập trung vào cơ chế, chính sách trong việc khai thác, sử dụng nước bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, bền vững dự trữ lâu dài, ưu tiên sử dụng nước dưới đất để cấp cho sinh hoạt và các lĩnh vực sản xuất quan trọng của tỉnh tại những vùng ít có điều kiện tiếp cận nguồn nước mặt; cơ chế chính sách cụ thể trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính của các đối tượng khai thác, sử dụng nước và xả nước thải vào nguồn nước; các quy định cụ thể về khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn nước trên phạm vi tỉnh, mối quan hệ với các địa phương lân cận.

- Nâng cao kỹ năng quản lý, kỹ năng thẩm định, đánh giá hồ sơ cấp phép và hướng dẫn, kiểm tra của cán bộ quản lý tài nguyên nước ở cấp Ngành; tăng cường trang thiết bị, công cụ phục vụ xử lý thông tin, đánh giá trong quá trình thẩm định, cấp phép và trang thiết bị phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra về tài nguyên nước.

- Có chương trình, kế hoạch cụ thể để bổ sung biên chế, tuyển dụng cán bộ có trình độ, năng lực và chuyên môn phù hợp, kết hợp với công tác đào tạo, tập huấn hoặc đào tạo lại để tăng cường năng lực của cán bộ quản lý tài nguyên nước ở các cấp, nhất là kỹ năng quản lý và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- Xây dựng và thực hiện chương trình tăng cường trang thiết bị, công cụ phục vụ xử lý thông tin, đánh giá trong quá trình thẩm định, cấp phép và trang thiết bị phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra, trong đó chú trọng tới việc

áp dụng và sử dụng các công cụ kỹ thuật số, các mô hình số phục vụ việc đánh giá, dự báo, các công cụ ứng dụng công nghệ GIS, xử lý, phân tích ảnh viễn thám và các thiết bị phục vụ kiểm tra tại hiện trường.

- Nguồn nước phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, mang tính liên vùng, liên tỉnh, liên quốc gia, nên trong công tác quản lý tài nguyên nước dưới đất cần phải có sự phối hợp không những với các địa phương trong tỉnh, mà cần có sự phối hợp với các địa phương lân cận như Long An, An Giang,Tiền Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ...

7. Tổ chức thực hiện quy hoạch

7.1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh theo các quy định hiện hành của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp các ngành Tỉnh có liên quan, các địa phương tổ chức triển khai công bố Quy hoạch; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án ưu tiên bảo đảm phù hợp với các mục tiêu, nội dung, giải pháp của Quy hoạch này.

- Tổ chức thẩm định các đề án, dự án về khai thác, sử dụng tài nguyên nước, thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.

- Tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực và thu hồi giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất; thực hiện việc thu phí, lệ phí về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; thanh tra, kiểm tra các hoạt động tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản, kiểm kê, thống kê, lưu trữ số liệu tài nguyên nước trên địa bàn; tổ chức quản lý, khai thác các công trình quan trắc tài nguyên nước do địa phương đầu tư xây dựng.

- Tổng hợp tình hình khai thác, sử dụng nước, các nguồn thải vào nguồn nước trên địa bàn; lập danh mục các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt;

- Rà soát và lập danh mục các giếng không sử dụng; hướng dẫn, kiểm tra việc trám lấp giếng không sử dụng theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã và thành phố, các cơ quan chức năng có liên quan thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch này; định kỳ hàng năm, 5 năm sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm thực hiện quy hoạch; trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định điều chỉnh mục tiêu, nội dung quy hoạch trong trường hợp cần thiết.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan Trung ương và các tỉnh có liên quan

trong việc triển khai thực hiện quy hoạch.

7.2. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: phối hợp với sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban, ngành liên quan xây dựng các chương trình, dự án, kế hoạch chi tiết phục vụ phát triển nông nghiệp liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước phải đảm bảo phù hợp với các mục tiêu, nội dung, giải pháp của Quy hoạch này.

7.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: là cơ quan phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh thẩm định các nhiệm vụ tiếp theo của các dự án trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch.

7.4. Sở Tài chính: phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh bố trí ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách để thực hiện có hiệu quả các nội dung của quy hoạch này.

7.5. Sở Công Thương: theo chức năng nhiệm vụ của mình, trong quá trình xây dựng các nhiệm vụ, kế hoạch có liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước phải đảm bảo phù hợp với các mục tiêu, nội dung, giải pháp của Quy hoạch này.

7.6. Các sở, ban, ngành khác liên quan: theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp với cơ quan chủ trì triển khai công việc liên quan để thực hiện quy hoạch này.

7.7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: tổ chức thực hiện nội dung quy hoạch trên địa bàn có nhiệm vụ giám sát, tham mưu cho UBND tỉnh về các nội dung thực hiện trên địa bàn của mình. Đồng thời, tuyên truyền vận động các tổ chức quần chúng, nhân dân cùng góp phần sử dụng hợp lý, tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên nước.

7.8. Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn: phối hợp với các đơn vị quản lý cấp trên để thực hiện quy hoạch, đồng thời có nhiệm vụ giám sát, tham mưu cho UBND cấp huyện về các nội dung thực hiện quy hoạch, thường xuyên giám sát, theo dõi các tổ chức cá nhân trong công tác thăm dò, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn của mình; vận động các tổ chức cá nhân thực hiện công tác bảo vệ môi trường nói chung và tài nguyên nước nói riêng.

7.9. Các tổ chức cá nhân thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước: phải nghiêm túc thực hiện tốt công tác thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước theo đúng quy định của pháp luật (như đề nghị cấp phép trong khai thác, sử dụng và xả nước thải vào nguồn nước; phí bảo vệ môi trường, phí khai thác tài nguyên....). Mặt khác, đầu tư, nghiên cứu đổi mới công nghệ trong quá trình sản xuất để sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguồn nước cũng như giảm thiểu tối đa xả nước thải vào nguồn nước. Đồng thời xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT/UBND tỉnh;
- Lưu: VT + NN/KTN.Ng.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Digitally signed by Ủy ban nhân dân Tỉnh
DN: c=VN, o=UBND tỉnh Đồng Tháp, l=Đồng Tháp, cn=Ủy ban nhân dân Tỉnh
Date: 2013.11.29 15:50:42 +07'00'

Nguyễn Văn Dương